

Bình Phước, ngày 27 tháng 4 năm 2018

V/v hướng dẫn công tác trẻ em năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;
- Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã.

Thực hiện công văn số 505/LĐTBXH-TE ngày 01/2/2018 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn công tác trẻ em năm 2018;

Năm 2018 là năm giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và các chương trình, kế hoạch, dự án về trẻ em đến năm 2020, đồng thời đánh giá kết quả một năm triển khai thực hiện Luật trẻ em. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tập trung chỉ đạo, phối hợp thực hiện các hoạt động sau:

1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới và kế hoạch số 94-KH/TU ngày 27/12/2012 của Tỉnh ủy Bình Phước về thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cho các cấp ủy đảng, chính quyền về các vấn đề về trẻ em và tầm quan trọng của công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới.

- Các tổ chức chính trị - xã hội như Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ, Huyện đoàn cần tăng cường hơn nữa trách nhiệm giám sát và chức năng phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến trẻ em trên địa bàn. Xây dựng nội dung, hoạt động của phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đến từng địa bàn khu dân cư; Đưa tiêu chí xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em là một trong những tiêu chí đánh giá công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới. Biểu dương, nhân rộng những điển hình tốt, những sáng kiến trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và đóng góp nguồn lực cho trẻ em.

2. Triển khai thực hiện Luật trẻ em, các chính sách, Chương trình, Kế hoạch về trẻ em

- Tiếp tục thực hiện Quyết định 327/QĐ-UBND ngày 04/3/2013 của UBND tỉnh ban hành chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 – 2020).

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Kế hoạch 180/KH-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh (Theo Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em và Thông tư số 25/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em). Đưa nội dung, tiêu chí xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em vào chương trình phát triển kinh tế xã hội của ngành, địa phương. Phân công cụ thể trách nhiệm của các ban, ngành trong việc thực hiện tiêu chí thuộc chức năng, nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em bảo đảm khách quan, minh bạch.

- Triển khai thực hiện các chương trình về trẻ em đã được phê duyệt như Quyết định 1033/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ); Quyết định 1032/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình Phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020); Kế hoạch 63/KH-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh về Phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 27/12/2015 của UBND tỉnh Phê duyệt kế hoạch thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề của trẻ em tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định số 1235/QĐ-TTg ngày 03/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2016 - 2020).

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch 160/KH-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh về chương trình hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2014-2020 (theo Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 22/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2014 - 2020)

- Thực hiện Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 14/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc: Tiếp tục cập nhật thông tin về trẻ em không sống trong môi trường gia đình (trẻ em trong các trường giáo dưỡng, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở tôn giáo).

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 55a/2013/QĐ-TTg ngày 04/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh: Rà soát, khám sàng lọc cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh để hỗ trợ phẫu thuật kịp thời.

- Tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp theo Thông tư số 33/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp;

- Tổ chức việc lấy ý kiến, nguyện vọng của trẻ em khi xây dựng và triển khai Chính sách, Chương trình, Kế hoạch, Đề án liên quan đến trẻ em.

- Triển khai các mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tại địa phương.

- Thúc đẩy phối hợp liên ngành triển khai các đề án, chương trình liên quan đến trẻ em đã được phê duyệt.

- Phân bổ ngân sách địa phương, đưa nhiệm vụ thực hiện quyền trẻ em, thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương vào các chương trình, kế hoạch công tác năm 2018 của các Sở, ngành. Quản lý, sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương và nguồn vận động xã hội dành cho trẻ em.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về trẻ em, khảo sát, thu thập thông tin, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Luật trẻ em, pháp luật, chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em tại địa phương. Cập nhật thông tin về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em sống ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, trẻ em trong hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Ưu tiên phòng ngừa, giải quyết tình trạng trẻ em bị bạo lực, bóc lột, xâm hại, đặc biệt bị xâm hại tình dục, tình trạng trẻ em tử vong do đuối nước, do tai nạn giao thông và các vấn đề nóng về trẻ em tại địa phương.

3. Tăng cường công tác bảo vệ trẻ em, thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em

- Tiếp nhận, giải quyết kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em theo quy định của pháp luật và Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông, các giải pháp, kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, thông báo, tố cáo xâm hại, bạo lực trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em. Giải quyết tình trạng trẻ em bị bạo lực, bóc lột, xâm hại đặc biệt bị xâm hại tình dục, tình trạng trẻ em tử vong do đuối nước, do tai nạn giao thông và các vấn đề về trẻ em tại địa phương. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về những trường hợp trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích, bị xâm hại tình dục.

4. Đẩy mạnh, đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về công tác trẻ em

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án truyền thông quyền trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020.

- Vận động sự tham gia rộng rãi, tích cực của các tổ chức, cộng đồng, gia đình, cá nhân và trẻ em để thực hiện các quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương. Vận động đóng góp và sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn lực thông qua Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp.

- Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em năm 2018 với chủ đề "vì cuộc sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em trong thế giới công nghệ số" và năm an toàn giao thông 2018 với chủ đề "An toàn giao thông cho trẻ em" do Ủy ban an toàn giao thông quốc gia triển khai. Thực hiện "Mùa hè an toàn"; triển khai tốt việc bàn giao,

quản lý, giám sát trẻ em trong dịp nghỉ hè để giảm tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt là tai nạn đuối nước, hạn chế tình trạng bị xâm hại, bạo lực.

- Tổ chức các hoạt động nhân Tết Trung thu, Quốc tế thiếu nhi 1/6 nhằm tạo điều kiện cho trẻ em thực hiện các hoạt động vui chơi, giải trí, thực hiện quyền của trẻ em. Đặc biệt ưu tiên nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở các vùng biên giới, vùng đồng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về thực hiện quyền trẻ em nhằm thay đổi hành vi bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú trong đó đặc biệt chú ý hình thức tuyên truyền trực tiếp thông qua đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em các cấp, cộng tác viên trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc trẻ.

- Tăng cường truyền thông, quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em số 111 để mọi người dân và trẻ em liên hệ miễn phí khi có nhu cầu tìm kiếm thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em. Phối hợp với Đường dây trong việc tư vấn, can thiệp, hỗ trợ trẻ em, thiết lập đầu mối, cơ chế phối hợp, xử lý thông tin với Tổng đài tại địa phương.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ của Quỹ Bảo trợ các cấp nhằm vận động nguồn lực thực hiện quyền trẻ em, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và giải quyết các vấn đề về trẻ em trên địa bàn.

5. Tiếp tục kiện toàn, củng cố mạng lưới, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực của người được giao làm công tác trẻ em các cấp.

- Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban điều hành và Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em các cấp trở thành tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em để giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp, đôn đốc, điều hòa việc giải quyết các vấn đề trẻ em, thực hiện quyền trẻ em ở địa phương. Trước mắt chú trọng đẩy mạnh sự tham gia, phối hợp của các cấp, các ngành trong việc phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục và phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, đặc biệt là đuối nước và tai nạn giao thông.

- Ưu tiên bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và vận động nguồn lực để phát triển mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, ấp, khu phố theo quy định của Luật trẻ em.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực trong việc thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại, thực hiện chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và thu thập, cập nhật thông tin về trẻ em ở cấp huyện, xã và cộng đồng dân cư.

6. Bố trí ngân sách và vận động nguồn lực tham gia công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em

UBND các huyện, thị xã bố trí ngân sách, vận động và sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn lực dành cho trẻ em. Ưu tiên nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em sống ở vùng cao và trẻ em trong hộ nghèo, hộ cận nghèo.

7. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ chăm sóc trẻ em và thực hiện quyền trẻ em ở địa phương

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật, chính sách, chương trình, đề án, dịch vụ về trẻ em.

Trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu đã được chuẩn hóa theo Luật trẻ em, tổ chức rà soát trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; ghi chép và quản lý thông tin về trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ hộ gia đình và cập nhật vào phần mềm quản lý thông tin trẻ em cấp xã; hoàn thiện, in ấn và sử dụng sổ theo dõi trẻ em trong gia đình.

Thông tin, báo cáo cho UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành và các cơ quan có liên quan để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác trẻ em; kịp thời xác minh, báo cáo những vấn đề, vụ việc đột xuất, nổi cộm để phối hợp, hỗ trợ giải quyết (thông qua Sở lao động- Thương binh và Xã hội).

Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại trẻ em, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em theo quy định của pháp luật. Thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo hướng dẫn tại Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

Kiểm tra, giám sát việc cấp phát thẻ bảo hiểm y tế và khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi.

8. Giao Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội

Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện các Quyết định, Chương trình, Đề án, Dự án, Kế hoạch đã được UBND tỉnh và UBND huyện, thị xã phê duyệt. Hướng dẫn các xã, phường, thị trấn thực hiện các nội dung về công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em. Tổng hợp, báo cáo đánh giá về bảo vệ chăm sóc trẻ em báo cáo UBND tỉnh và Sở Lao động- Thương binh và Xã hội theo quy định.

9. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo

Kịp thời xác minh, báo cáo những vấn đề, vụ việc đột xuất, nổi cộm liên quan đến trẻ em cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp, hỗ trợ tháo gỡ, giải quyết.

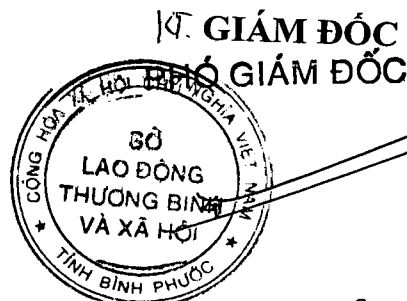
- Báo cáo 6 tháng về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trước ngày 20/5/2018.

- Báo cáo kết quả công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2018 trước ngày 15/11/2018.

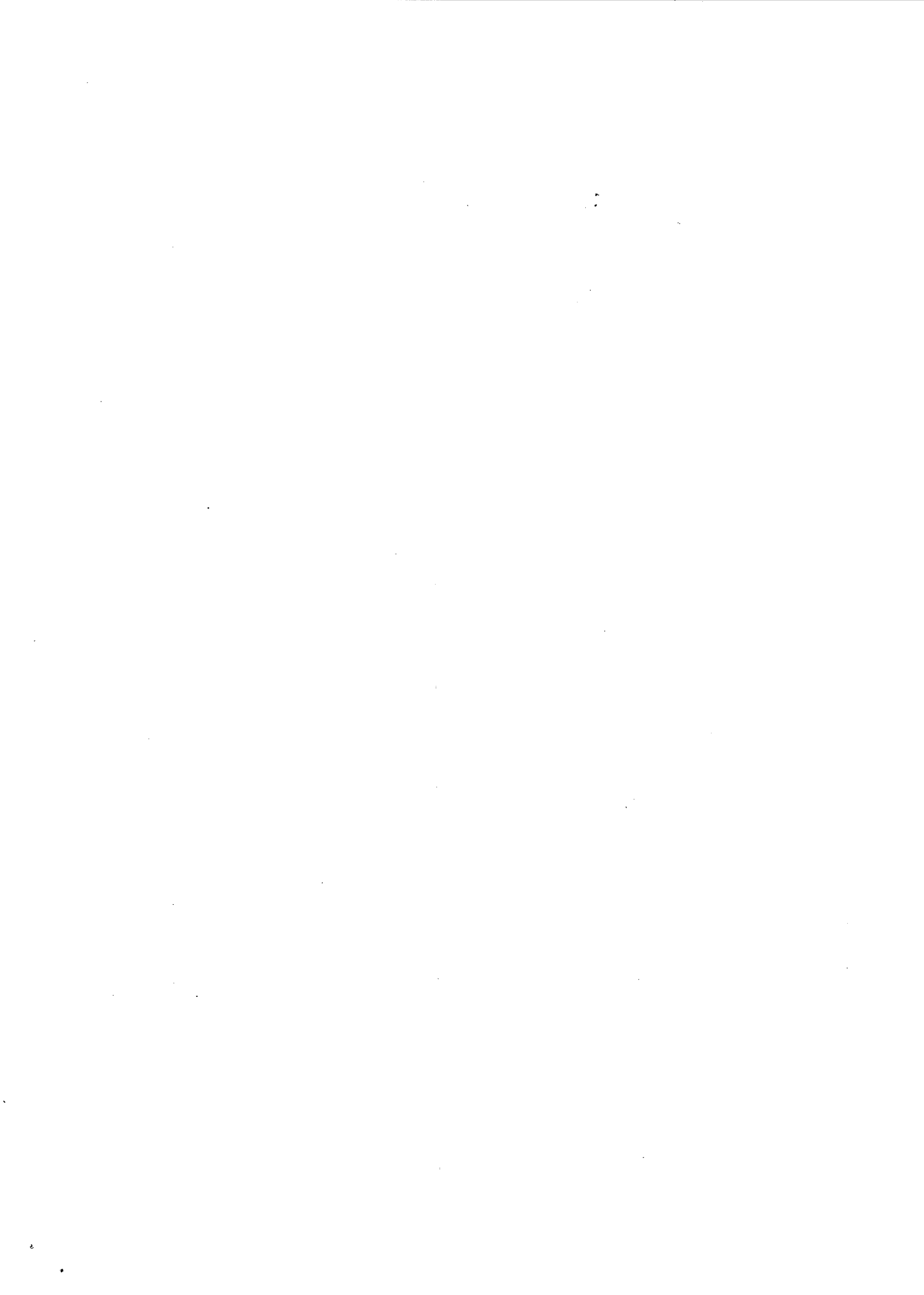
Các báo cáo (theo hướng dẫn và biểu mẫu đính kèm) gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo quy định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu VT, BVCSTE&BDG (Đ-2b).



Trần Hữu Quyền



THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM
Huyện/thị xã:.....

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2018
I	Dân số trẻ em		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên 16-18 tuổi/tổng dân số	%	
II	Tháng hành động vì trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
III	Tết Trung thu cho trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
IV	Diễn đàn trẻ em các cấp		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
V	Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/báo mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hình thức truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2018
VI	Số người làm công tác trẻ em các cấp		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiểm nhiệm	Người	
3	Cấp xã	Người	
	Trong đó		
3.1	Chuyên trách	Người	
3.2	Kiểm nhiệm	Người	
4	Cộng tác viên thôn, ấp, bản	Người	
VII	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em		
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp học	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên tham gia công tác trẻ em ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
VIII	Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương cấp (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương cấp	Triệu đồng	
	- Sở LĐTBXH (nguồn triển khai tại Sở LĐTBXH; bao gồm cả nguồn cấp cho hoạt động của Quỹ BTE cấp tỉnh; không tính phân bổ về cho cấp huyện và xã)	Triệu đồng	
	- Thành phố, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại huyện, không tính phân bổ về cho cấp xã)	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Huy động từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	

Lãnh đạo duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM*Huyện/thị xã:.....*

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2018
I	Cấu trúc, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1	Tỉnh/thành phố đã có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
2	Tỉnh/thành phố đã có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
3	Tỉnh/thành phố có Quyết định thành lập/hoạt động của Trung tâm công tác xã hội trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
4	Số huyện có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện	
5	Số huyện có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện	
6	Số xã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
7	Số xã có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
II	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh		
1.1	<i>Cơ sở công lập (bao gồm cả các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em):</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	Người	
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	<i>Cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	Người	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2018
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng	Người	
3	Số huyện có Trung tâm công tác xã hội hoặc có văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Huyện	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

Lãnh đạo duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



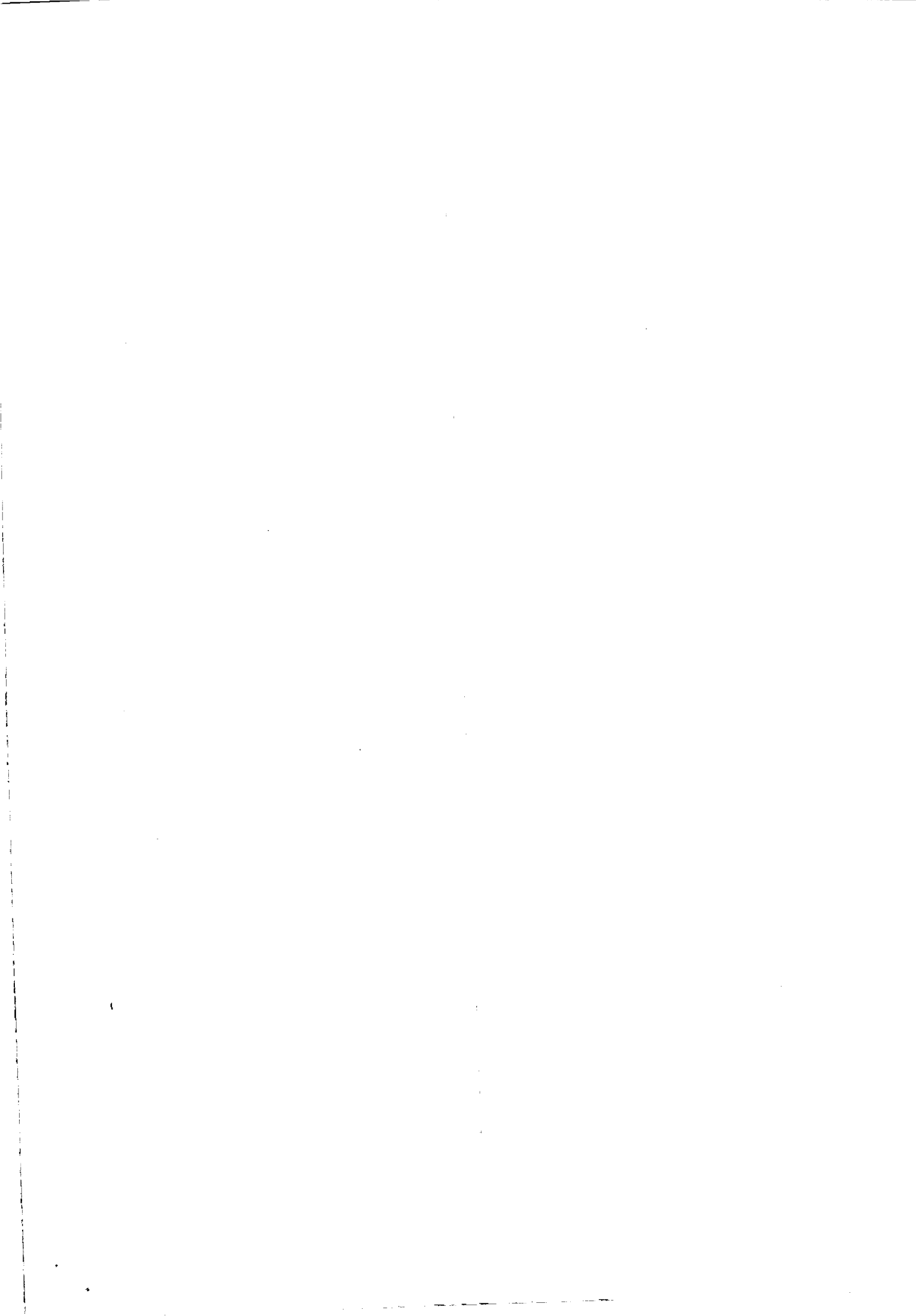
THÔNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Huyện/thị xã:.....

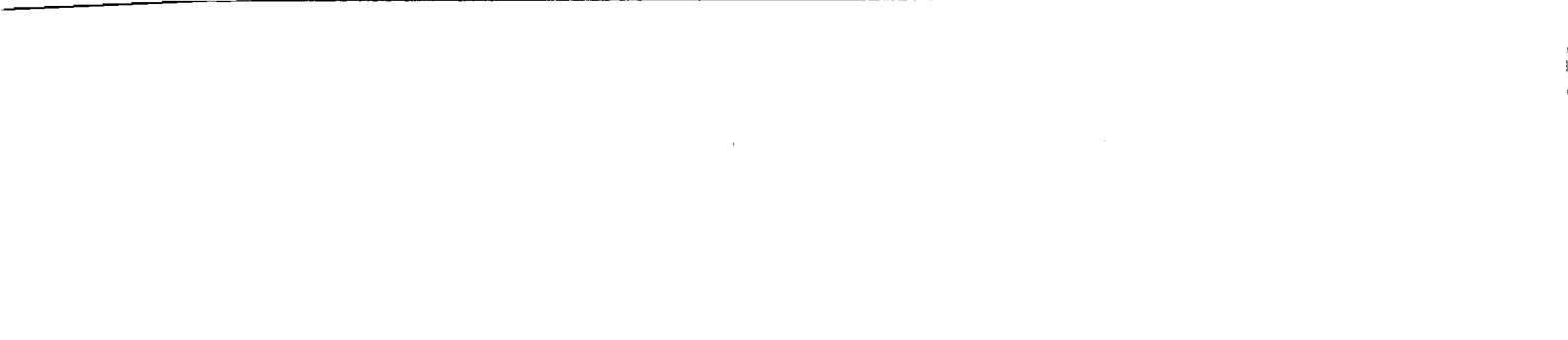
TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
A	B	Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
I	Dân số trẻ em	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trẻ em dưới 16 tuổi								
	Trong đó:								
1.1	Nam								
1.2	Nữ								
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh								
	- Dân tộc khác								
II	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
	1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc								
	2. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
	3. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	4. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi								
	1. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
	2. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa								
	1. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.								
	2. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.								
	3. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	4. Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.								
	5. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	6. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	7. Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em.								
	8. Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
	9. Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
	10. Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	11. Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em.								
	12. Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật.								
4	Trẻ em khuyết tật								
	1. Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.								
	2. Trẻ em khuyết tật nặng.								
	3. Trẻ em khuyết tật nhẹ.								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								
	1. Sống với cha mẹ, người thân thích								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	2. Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích.								
6	Trẻ em vi phạm pháp luật								
	1. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình.								
	2. Trẻ em vi phạm pháp luật chưa xác định được nơi cư trú ổn định đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.								
	3. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn hoặc tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo.								
	4. Trẻ em chấp hành xong hình phạt tù có thời hạn hoặc chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
	1. Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện.								
	2. Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng.								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								
	1. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc.								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
	1. Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động.								
	2. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.								
	3. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
	4. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác.								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	5. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục								
	1. Trẻ em bị hiếp dâm.								
	2. Trẻ em bị cưỡng dâm.								
	3. Trẻ em bị giao cấu.								
	4. Trẻ em bị dâm ô.								
	5. Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.								
12	Trẻ em bị mua bán								
	1. Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích								
	2. Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải Điều trị dài ngày								
	1. Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.								
	2. Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								

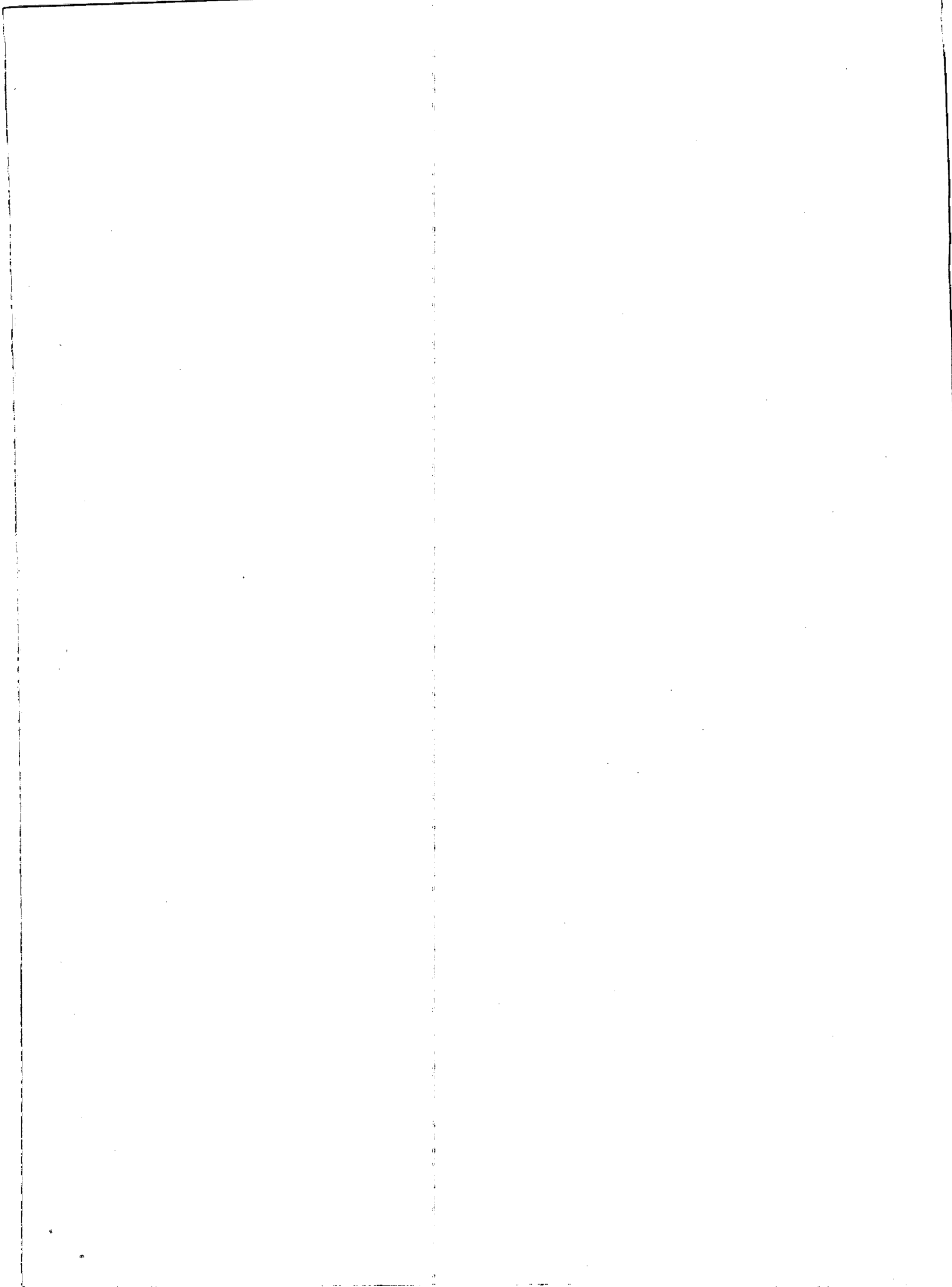
TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	1. Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc.								
	3. Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.								
III	Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:		XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo. Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo								
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS).								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS)								
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên do cha mẹ đi làm ăn xa)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:		XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: số trẻ em tử vong do đuối nước								

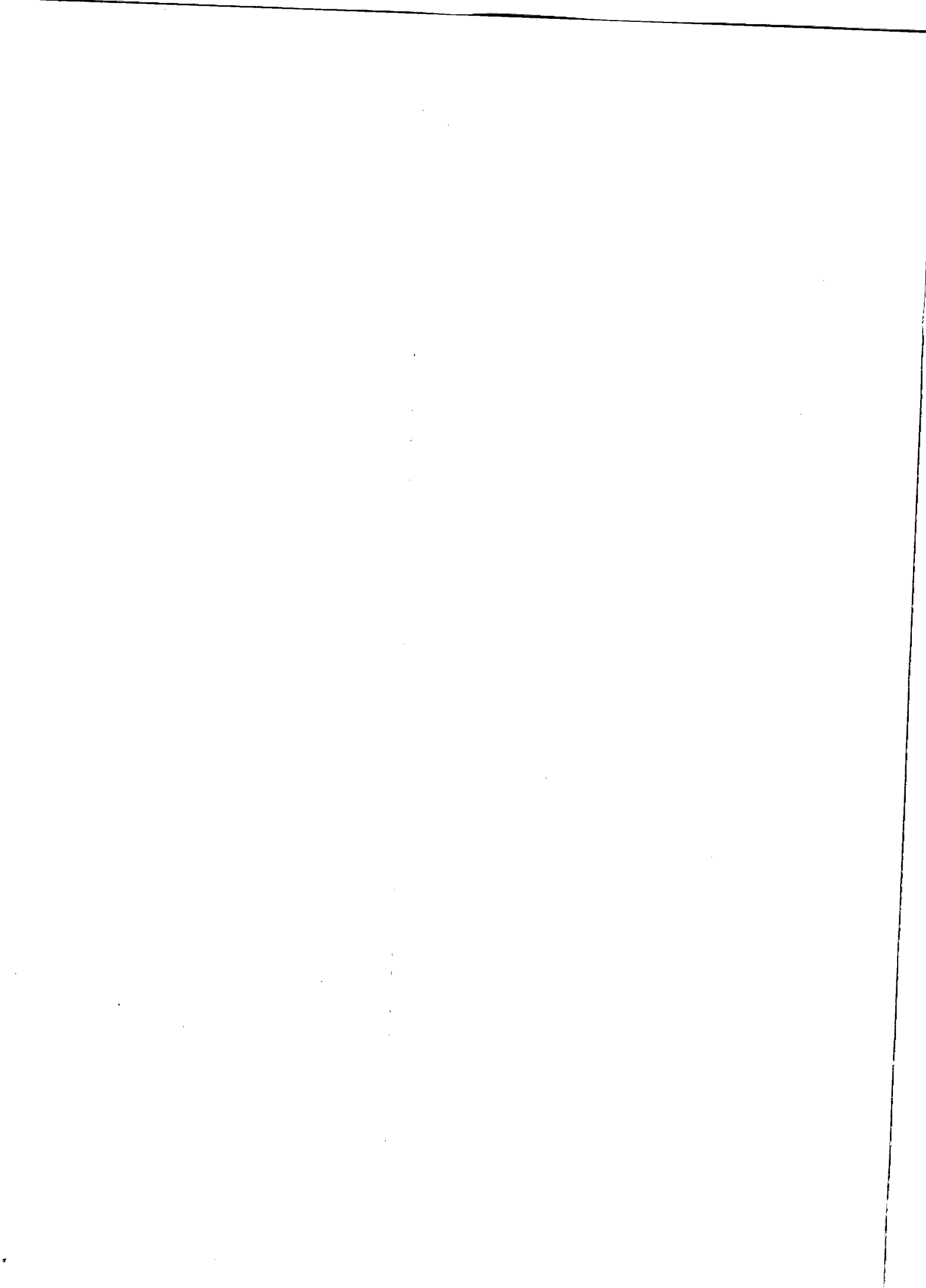
Lãnh đạo duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIỮA KỲ
CÁC CHỈ TIÊU VỀ TRẺ EM TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN
ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2017	Năm 2018
I	Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020 (QĐ số 1555/QĐ-TTg, ngày 17/10/2012)		
1	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi		
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi		
3	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi		
4	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi		
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non		
6	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non		
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học		
8	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở		
9	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em		
10	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp		
11	Tỷ lệ trẻ em bị bạo lực		
12	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích		
13	Tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi dành cho trẻ em đạt tiêu chuẩn		
14	Tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp		
15	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em		
II	Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 2361/QĐ-TTg, ngày 22/12/2015)		
1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em		
2	Tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại		
3	Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quản lý và có các biện pháp can thiệp, trợ giúp kịp thời		
4	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp		
III	Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 570/QĐ-TTg, ngày 22/4/2014)		
1	Tỷ lệ trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS trong diện quản lý được cung cấp các dịch vụ về y tế, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ dinh dưỡng và phát triển thể chất, chăm sóc thay thế, vui chơi giải trí và các chính sách xã hội theo quy định.		
2	Tỷ lệ cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở chăm sóc và điều trị cho trẻ em nhiễm HIV, các tổ chức xã hội có liên quan đến trẻ em HIV được cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.		
3	Tỷ lệ trường học tạo cơ hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được đi học theo nhu cầu.		
IV	Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em (QĐ số 1235/QĐ-TTg, ngày 03/8/2015)		



TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Tỷ lệ pháp luật, chính sách về trẻ em ở cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện được tham vấn ý kiến trẻ em;		
2	Tỷ lệ các quyết định có liên quan đến trẻ em trong nhà trường được tham vấn ý kiến trẻ em		
3	Tỷ lệ các quyết định có liên quan đến trẻ em trong cộng đồng, xã hội được tham vấn ý kiến trẻ em		
4	Tỷ lệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện ít nhất 02 mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.		
V	Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 234/QĐ-TTg, ngày 05/02/2016)		
1	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích		
2	Tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích		
3	Số hộ gia đình có trẻ em đạt tiêu chí Ngôi nhà an toàn		
4	Số trường học đạt tiêu chuẩn Trường học an toàn		
5	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn Cộng đồng an toàn.		
6	Tỷ lệ trẻ em tử vong do tai nạn giao thông đường bộ		
7	Tỷ lệ trẻ em bị tử vong do đuối nước		
8	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ sở biết các quy định về an toàn giao thông.		
9	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước.		
10	Tỷ lệ trẻ em sử dụng áo phao khi tham gia giao thông đường thủy.		
11	Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thí điểm chương trình bơi an toàn cho trẻ em.		
12	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em		
13	Tỷ lệ cán bộ cấp xã, cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em		
VI	Chương trình phòng, ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 1023/QĐ-TTg, ngày 07/6/2016)		
1	Nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan, người sử dụng lao động, cộng đồng, cha mẹ và trẻ em về lao động trẻ em		
2	Tỷ lệ trẻ em lao động trái quy định của pháp luật khi có thông báo, phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời		
VII	Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017)		
1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp		
2	Tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại		
3	Tỷ lệ trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp		
4	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi.		

..... ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

